

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 15

Đoạn 5: Phước điền thậm thâm

Thứ nhất, trong phần hỏi, có hai: Một: Nêu ra nói cho biết, bởi vì phước điền là soi chiếu dẫn dắt chúng sinh, lại Bồ thí là đi trước dẫn đường của các Độ, cho nên hỏi Mục Thủ. Hai: Hiển bày về sự việc thừa hỏi, phân ba: 1- Nêu ra pháp dựa vào để xác định, Phật là ruộng (Điền) phát sinh phước đức, gọi là ruộng phước (Phước điền). Đức của ruộng không hai, gọi là bậc nhất, Lý này cùng nhau thừa nhận. 2- Từ “Vân hà...” trở xuống là chính thức hiển bày về nghi ngờ chất vấn, nói ruộng đã là một thì gieo trồng phước thích hợp như nhau, Báo của bồ thí có sai khác do đâu mà khởi? Trước thì giống nhau mà ở đây khác nhau thì duyên và quả trái ngược nhau, riêng biệt hiển bày về mười sự việc, văn đều có thể biết. 3- Giải thích thành tựu về chất vấn trước đây nói rằng: Ruộng tuy là như nhau, mà tâm có cao thấp, cho phép có thể có khác nhau; tâm đã không có khác nhau, suy nghĩ về Báo vì sao khác nhau?

Thứ hai, phần giải đáp có nhiều ý: Một: Dựa theo chúng sinh, bởi vì căn khí có lớn-nhỏ, tâm có nặng-nhẹ, cho nên cảm được Báo có sai khác, không phải là lỗi của Như Lai. Hai- Dựa theo Phật thì phù hợp với tất cả căn cơ sai biệt, mới gọi là bình đẳng, nhiều sai khác ngay nơi một mà không trái với giống nhau, một giống nhau ngay nơi nhiều mà không ngăn ngại sai khác, bởi vì tâm bình đẳng không có riêng tư mới có thể tùy ý hiện rõ nhiều quả, cuối cùng khiến cho giải thoát cùng một vị, đâu từng khác nhau!

Mười kệ nêu ra mười Dụ, dụ cho các nghĩa trên: Một kệ đầu là tổng quát dụ về con dấu thành tựu; chín kệ sau là riêng biệt hiển bày về nguyên cố.

Trong một kệ đầu: Câu đầu nói về con dấu như nhau là duyên như nhau, đôi bên cùng thừa nhận; câu tiếp nói về con dấu khác nhau

chính là nhân khác nhau, giải đáp về nguyên cơ sai khác; câu tiếp nói về không có khác nhau tư duy đích xác như đã nhìn thấy; câu cuối cùng là tổng quát hợp lại.

Trong chín kệ sau là riêng biệt, đều nửa kệ trước là Dụ, nửa kệ sau là Hợp.

Kệ một là Dụ về nước, đồ vật có lớn-nhỏ, cho nên vuông-tròn tùy theo đồ vật.

Kệ hai là Dụ về huyễn ảo, phương tiện ở ngoài Thể, quý ở chỗ lại làm cho tâm vui vẻ.

Kệ ba là Dụ về nhà vua, phương tiện ở trong Thể, cuối cùng có được niềm vui thật sự. Hai Dụ trên là dụ cho Phật phương tiện khéo léo phù hợp với căn cơ chúng sinh.

Kệ bốn là Dụ về gương soi, dựa theo chúng sinh, nghĩa là tùy theo đẹp-xấu mà hình ảnh khác nhau, tâm cao-thấp mà quả báo sai khác, cùng với dụ về gương soi trước đây thì nhân duyên không giống nhau, nghĩa còn lại không có gì khác nhau. Năm kệ sau đều dựa theo Phật để trình bày.

Kệ năm là Dụ về vị thuốc, một ngay nơi nhiều mà đầy đủ trăm vị, cho nên loại bỏ tất cả phiền não độc hại khắp nơi.

Kệ sáu là Dụ về mặt trời, nhiều ngay nơi một mà không có tối tăm nào không chiếu sáng, bóng tối lớn-nhỏ đều trừ diệt.

Kệ bảy là Dụ về ánh trăng soi chiếu khắp nơi, Phật bình đẳng lướt qua các dấu tích trước đây, tuy thuận theo căn cơ để hiện bày mà chủ yếu là không có gì riêng tư.

Kệ tám là Dụ về gió lớn chấn động khắp nơi, lay chuyển tất cả căn cơ chúng sinh.

Kệ chín là Dụ về lửa lớn đốt cháy khắp nơi, cuối cùng trở về tịch diệt.

Lại năm Dụ này, dụ cho diệt trừ Hoặc chướng và Trí chướng, đến nơi của Trí bình đẳng làm lay động tất cả các cõi, đều chứng được Vô vi. Bốn kệ trước tức là phương tiện khéo léo tùy theo căn cơ, năm kệ này thì cuối cùng khiến cho thành tựu cao nhất, lẽ nào không như nhau hay sao?

Đoạn 6: Chánh giáo thậm thâm.

Thứ nhất, trong phần hỏi: Một: Nêu ra người hỏi, bởi vì phá trừ lười nhác cho nên hỏi Cần Thủ. Hai: Trong phần chính thức hiển bày về sự việc thưa hỏi, có bốn: 1- Giáo pháp của Phật là một, là nêu ra pháp dựa vào để xác định, một (Nhất) có hai nghĩa: a- Nghĩa là đoạn trừ Tập

của phiền não, chứng được Diệt của giải thoát, nghĩa này không khác nhau, đôi bên cùng thừa nhận; b- Nghĩa là nhiều người cùng thấy, pháp đã thấy không khác nhau. 2- Từ “Chúng sinh...” trở xuống là chính thức thiết lập nghi ngờ chất vấn, chất vấn cũng có hai: a- Đối với nghĩa trước, sau khi thấy được giáo pháp vì sao đã lâu mà không giải thoát, vì vậy nói rằng: Vì sao không lập tức đoạn trừ phiền não để giải thoát? b- Đối với nghĩa sau, nhiều người cùng thấy vì sao có giải thoát-không giải thoát, vì vậy nói rằng: Vì sao không biết rõ đoạn trừ phiền não mà giải thoát? 3- Từ “Nhiên kỳ...” trở xuống là giải thích thành tựu về chất vấn trước đây, chính thức giải thích về nghĩa sau, bởi vì Khổ-Tập của nhiều người đều không khác nhau. Năm uẩn là Chánh báo, ba cõi gồm chung Y báo, đây là quả của Khổ. Si-Ái làm cho thấm nhuần là nhân của Tập. Bao gồm hiển bày về nghĩa đầu, bởi vì Khổ-Tập trước sau cũng không khác nhau. 4- Từ “Thị tắc...” trở xuống là kết luận thành tựu về trái ngược nhau. Thoát ra là có lợi ích, không thoát ra thì không có lợi ích, giáo pháp của Phật là một, nghĩa ấy ở đâu?

Thứ hai, trong phần giải đáp, ý nói rằng: Tu tập có siêng năng-lười nhác, Chướng ngại có cạn-sâu, Căn cơ có chưa thuần thực-đã thuần thực, Duyên có đầy đủ-thiếu hụt, Trí có sáng suốt-mê muội, Công sức có dày-mỏng, vì vậy thành tựu có nhanh-chậm, là giải đáp chất vấn đầu. Tu cùng với không tu, cho nên thấy giống nhau mà lợi ích khác nhau, là giải đáp chất vấn sau. Nghĩa riêng biệt trên đây không ra ngoài hai môn siêng năng và lười nhác.

Mười kệ phân hai: Một kệ đầu là tách ra chương mục nhận lời thuyết giảng, nghĩa là nửa kệ trước thừa nhận phù hợp với Thật mà thuyết giảng, nửa kệ sau là tách ra hai chương môn. Chín kệ còn lại là riêng biệt giải thích: Một kệ đầu giải thích về giải thoát nhanh chóng, tám kệ sau là giải thích về khó thoát ra.

Nay là một kệ đầu: Nửa kệ trước là nhắc lại nghi ngờ, nửa kệ sau là giải thích. Chịu khó (Cần) thì bao gồm thúc đẩy vạn hạnh, lia xa tướng của thân-tâm cho nên có thể nhanh chóng thoát ra. Nhưng có năm tướng: 1- Có thể lực, bởi vì khoác giáp phục Tinh tiến, nghĩa là phát Đại thế nguyện ở trong pháp của Phật. 2- Dũng cảm bảo vệ, nghĩa là tinh tiến không hề sợ hãi yếu hèn ở trong pháp rộng lớn. 3- Kiên quyết mạnh mẽ, bởi vì tinh tiến cho nên nóng-lạnh, ruồi-muỗi... vốn không thể nào lay chuyển. 4- Luôn luôn không rời bỏ cái ách của pháp thiện, bởi vì tinh tiến cho nên không có gì thấp kém, không có gì vui đủ. 5- Tinh tiến, bởi vì tinh tiến dựa vào gia hạnh. Nhờ vào năm tướng này phát

khởi chịu khó tinh tiến, nhanh chóng chứng được tất cả trí tuệ, diệt trừ chướng ngại mà giải thoát.

Trong tám kệ sau dùng Dụ để giải thích về Chương khó thoát ra, tổng quát về tướng ngược lại với trước đều gọi là lười nhác.

Kệ một là Dụ về đóm lửa nhỏ và củ ươi, dụ cho thiện căn phát sinh và ba chướng nặng nề, tạm thời một lần được nghe giáo pháp, vừa mới tu hành đôi chút, mà nghiệp-phiền não xâm hại bên trong, khiến cho giáo pháp đã được nghe nhanh chóng mất đi, pháp thiện đã thực hành nhanh chóng bỏ dở, cho nên trở thành lười nhác khó thoát ra.

Kệ hai là Dụ về đui cây lấy lửa nhiều lần dừng lại, dụ cho tu tập có lười nhác lui sụt.

Nhưng từ Dụ này trở xuống, phần nhiều bao gồm ba Tuệ (Văn-Tư-Tu) để phân rõ về lười nhác. Dụ này dựa theo Văn (nghe), thì luyện tập lắng nghe nhiều lần dừng lại, hiểu biết rõ ràng không phát sinh; dựa theo Tư, thì quyết định lựa chọn nhiều lần dừng lại, trí tuệ chân thật không phát sinh; dựa theo Tu, thì Định-Tuệ nhiều lần dừng lại, Thánh đạo không phát sinh. Thánh đạo như ngọn lửa, có thể đốt cháy củ phiền não, Noãn-Đánh trở về trước đều gọi là chưa nóng, đã nóng mà dừng lại thì ngọn lửa hầy còn không sinh ra, chưa nóng mà nhiều lần dừng lại thì tuy trải qua nhiều kiếp, cuối cùng vẫn không đạt được Lý. Vì vậy kinh Di Giáo đối với điều này, trình bày về dòng nước nhỏ chảy mãi thì có thể xuyên thủng cả đá. Sáu vị Tổ của Thiên tông cùng truyền thụ về Dụ này. Mong những người học khắc sâu trong lòng luôn luôn nghĩ đến! Nếu thẳng thắn dựa vào tu hành để giải thích, thì nên dùng trí tuệ đui mài chuyên chú vào một cảnh, dùng sợi dây phướng tiện để khéo léo xoay chuyển, tâm trí không dừng lại, bốn oai nghi không gián đoạn, thì Thánh đạo có thể phát sinh. Chỉ trong giây lát khởi tâm, tạm thời không còn soi chiếu, đều gọi là dừng lại.

Kệ ba là Dụ về thiếu duyên cầu lấy lửa, vật là ngừng-dứt... Giáo pháp giải thích về Thánh đạo, giống như viên ngọc lấy lửa ấy phải cần hưởng về mặt trời trí tuệ, nương theo mà thực hành thì lửa Thánh đạo phát sinh; giữ lấy văn tự trống rỗng, không thể nào quyết định lựa chọn, tâm hành trái ngược vượt qua, đạo do đâu mà phát sinh?

Kệ bốn là Dụ về bịt mắt cầu nhìn thấy, Trí nhỏ-Thức kém dụ cho đứa trẻ kia; dựa theo Văn tuệ, thì tuy đối diện với Minh Sư mà không chịu thưa hỏi để quyết định; dựa theo Tư-Tu, thì tuy đối diện với mặt trời giáo pháp, mà mắt tâm không mở ra, lại trách móc Thánh đạo không phát sinh, mê hoặc quá rồi!

Kệ năm là Dụ về tâm rộng thiếu duyên, dụ cho người ngu không có cánh tay của Tín thanh tịnh, để giữ lấy cây cung của Định, lại không có đủ giới pháp để cự tuyệt nơi chốn của phiền não, dùng mũi tên Văn tuệ yếu kém, muốn bắn phá tất cả nơi chốn sâu dày của nghiệp-phiền não, uổng công mong muốn khó mà thành công!

Kệ sáu là Dụ về mảy lông chấm lấy nước biển rộng, nghĩa là dùng một chút Văn-Tư, muốn suy lường biển rộng giáo pháp, tùy tiện sinh lòng mong mỏi thì lưỡi nhác càng sâu.

Kệ bảy là Dụ về một chút nước đập tắt lửa, kiếp lửa hừng hực khắp nơi dụ cho tiếp xúc với cảnh mà tăng thêm phiền não, phần ít của ba Tuệ lễ nào có thể đập tắt hết được?

Kệ tám là Dụ về không lay động mà đi khắp mọi nơi, dụ cho tuy nhận biết tánh Không, Trí chưa trải qua, mà nói chứng được tất cả, cũng là hạng người tăng thượng mạn.

Đoạn 7: Chánh hạnh thậm thâm.

Thứ nhất, trong phần hỏi: Một-Hỏi Pháp Thủ, là bởi vì pháp thực hành. Hai-Trong phần hiển bày về sự việc thưa hỏi, có ba: 1- Nêu ra Thánh giáo, Thọ nghĩa là tâm tiếp nhận nghĩa lý, Trì nghĩa là ghi nhớ mà không quên. 2- Từ “Hà cố...” trở xuống là nói rõ về những nghi ngờ, Phật dạy có thể đoạn trừ, nay có người không đoạn trừ, tức là giáo và hành trái ngược nhau. Trước là nêu ra trái ngược nhau, từ “Tùy tham dĩ...” trở xuống là nêu ra đã không đoạn trừ, từ “Thế lực dĩ...” trở xuống là kết luận thành tựu về không đoạn trừ, nghĩa là có người thọ trì giáo pháp không những không diệt trừ phiền não xưa kia, mà lại tùy theo hiểu biết mới có tăng thêm mười một loại Hoặc, do thế lực mà xoay chuyển. Bốn loại trước là phiền não Căn bản, bảy loại sau là Tùy phiền não, đều nói là Tùy, thì trong luận Tạp Tập quyển thứ 7 nói các phiền não đều là Tùy phiền não, có Tùy phiền não mà không phải là phiền não. Vì vậy ở đây chính là hiển bày về phiền não Căn bản, cũng có thể gọi là Tùy, bởi vì tùy theo nơi khác sinh ra. Tổng quát giải thích về Tham... như trong Địa thứ chín. Nay hạn chế dựa vào pháp mới khởi lên mà nói, tức là tham cầu danh lợi, do sân mà không hiểu biết, mê muội theo Tự hành, cậy vào pháp tự cao, che giấu khuyết điểm của mình, bắt bẻ luận điểm của đối phương sinh ra tức giận, kết thành thù hận nghĩ cách đáp trả, ganh ghét người khác hơn mình, bủn xỉn tri thức của mình, không hiểu rõ lời lẽ giải thích, bỏ pháp đuổi theo tình. 3- Từ “Năng thọ trì...” trở xuống là kết luận thành tựu về chất vấn, Phật dạy thọ pháp có thể đoạn trừ phiền não, nay thọ pháp mà còn khởi lên phiền não trước

kia là vì sao?

Thứ hai, phân giải đáp, ý nói rằng: Pháp là thuốc pháp, chủ yếu là do thực hành phù hợp, phù hợp và không phù hợp, có đoạn trừ và không đoạn trừ, không phải là lỗi của thầy thuốc. Vì vậy phẩm Thập Hạnh nói: Như thuyết giảng có thể thực hành, như thực hành có thể thuyết giảng.

Trí Luận nói: “Có thể thực hành thuyết giảng là chính, không thực hành thì thuyết giảng cái gì? Nếu thuyết giảng mà không thể nào thực hành thì không gọi là người Trí, cho nên như thuyết giảng mà thực hành thì mới đạt được pháp của Phật, không bởi vì miệng nói mà có thể thanh tịnh.”

Mười kệ phân hai: Một kệ đầu là khuyến khích khen ngợi sơ lược thuyết giảng: Câu đầu là khuyến khích lắng nghe, xa lìa ba loại tạp nhiễm là cao ngạo-khinh mạn-khiếp nhục, mới gọi là khéo léo lắng nghe, bởi vì cầu tỏ ngộ hiểu biết, tâm chuyên nhất hướng về, nghe âm thanh tập trung vào tai, gột sạch tâm ấy, thâm nhiếp tất cả các tâm, mới gọi là lắng nghe chăm chú. Câu tiếp là khen ngợi thưa hỏi, hiển bày về hành phù hợp với lý, cho nên gọi là đúng như thật. Nửa kệ sau là sơ lược thuyết giảng: Nói không những, là chủ yếu bao gồm tu hành, chỉ dùng Đa văn thì không thể nào chứng nhập, cho nên các kệ sau đều nói: Đối với pháp không tu hành, thì Đa văn cũng như vậy. Đây gọi là lỗi của không thực hành, không phải hủy bỏ Đa văn, nếu không có Đa văn thì thực hành không có nơi nương tựa, vì vậy không thực hành là lỗi lầm, như Điều Đạt-Thiện Tinh; thực hành là đạt được, như A Nan-Thân Tử. Thực hành Tự lợi-Lợi tha đều cần phải thấu triệt rõ ràng, thế nguyện cùng tận biển rộng giáo pháp làm nhân của Chứng trí, chỉ thuận theo nghĩa thiện, đừng đắm theo ngôn thuyết.

Luận Bà Sa quyển thứ 42 nói: “Đa văn có thể biết rõ pháp, Đa văn có thể lìa tội lỗi, Đa văn rời bỏ không có nghĩa, Đa văn được niềm vui Niết-bàn.”

Kinh Tịnh Danh nói: “Đa văn tăng trưởng cho trí tuệ, lấy làm âm thanh của Tự giác.” Sau kinh mở rộng về phương tiện Độ sinh, cho đến không lìa xa Đa văn khéo léo.

Trên đây chỉ hiển bày về Văn, kinh Niết Bàn nói bốn Sự làm nhân duyên gần, tức là Văn và Hành đều hoàn thiện.

Trí Luận nói: “Đa văn-Trí rộng ngôn ngữ cùng tốt đẹp, khéo léo thuyết giảng các pháp chuyển tâm người, hành pháp-tâm chánh không nơi nào nương tựa, như mây cuộn sấm rền tuôn cơn mưa lớn.” Giáo lý vô lượng vô biên như vậy, sợ rằng nhiều quá tạm thời dừng lại.

Chín kệ còn lại trình bày về Dụ, đều nửa kệ trước là Dụ so sánh, nửa kệ sau là Pháp kết hợp.

Kệ một là Dụ về người sợ chìm mà chết khát, dụ cho lỗi ham theo văn nghĩa, nghĩa là tâm ấy trôi nổi bập bềnh trên sóng lớn của Nghĩa môn, lo mình và người khác chìm đắm, không có thời gian rỗi để tu hành, tự mình đoạn tuyệt Tuệ mạng, cho nên gọi là chết khát.

Kệ hai là Dụ về người bày biện thức ăn mà tự mình chịu đói, dụ cho lỗi thuận theo thuyết giảng mà phế bỏ tư duy, thuyết pháp cho người thì phần nhiều mong cầu danh lợi, không tư duy về pháp vị, làm hại đến Pháp thân.

Kệ ba là Dụ về thầy thuốc không tự cứu mình, dụ cho người khéo léo nhận biết về pháp đối trị mà không tự chữa trị cho mình.

Kệ bốn là Dụ về người nghèo đếm vật báu cho người khác, dụ cho người thuyết giảng về công đức của Phật Bồ-tát, mà không có thể mong cầu đối với thân-tâm mình, cho nên không có phần.

Kệ năm là Dụ về Vương tử mà chịu đói rét, nghĩa là Vương tử làm trái với luật lệ của Vương pháp, ở trong đó gây nên lỗi lầm mà chịu đói rét; người học cũng như vậy, sinh ở trong cung điện giáo pháp của bậc Pháp Vương, thực hành bên cạnh giáo pháp của Phật mà khởi lên nghiệp-phiền não xấu xa, bởi vì không có chiếc áo Nhẫn nhục của Tàm quý, thì lẽ nào được ăn món ăn Thiền duyệt của Pháp hỷ, cho nên chịu đói lạnh.

Kệ sáu là Dụ về người điếc tấu nhạc làm vui người khác, dụ cho lỗi không hiểu biết mà tự mình thuyết giảng, nghĩa là chân thật nói-nghe thì nhất định phải quên hết người nói-người nghe, chạy theo ngôn ngữ mà thuyết giảng là chính mình không nghe.

Kệ bảy là Dụ về người mù vẽ đường chỉ cho người khác, dụ cho lỗi tự mình không nhìn thấy nghĩa.

Kệ tám là Dụ về người lái thuyền mà chết chìm giữa biển, nghĩa là dẫn dắt mọi người đi đến biển Phật pháp, cậy vào những hiểu biết của mình, không thận trọng đối với việc làm của thân, mà bị pháp làm cho chìm đắm.

Kệ chín là Dụ về người khéo léo nói năng mà không có đức, nghĩa là cũng nói đến tu hành, hoặc là nói về đức của mình, bên trong không có Thật đức mà chỉ có lời lẽ trống rỗng.

Chỉ riêng một kệ này có ba câu trước là Dụ, văn kết hợp chỉ nói: Không thực hành cũng như vậy, càng hiển bày về ý không hủy bỏ Đa văn. Lại chín kệ này cũng có thể riêng biệt hướng về các nghĩa Tùy

tham..., như lý nên suy nghĩ!

Đoạn 8: Chánh trợ thâm thâm.

Thứ nhất, trong phần hỏi: Một: Hỏi Trí Thủ, là bởi vì hiển bày về Trí làm Thể của Chánh đạo mà bao gồm tất cả Trợ đạo. Hai: Trong phần chính thức hiển bày về sự việc thừa hỏi, có ba: 1- Nêu pháp dựa vào để xác định, nghĩa là đoạn trừ Hoặc-chứng được Lý, dẫn dắt Hành-đạt được Quả, chỉ là Đại Trí, đôi bên cùng thừa nhận. 2- Từ “Như Lai...” trở xuống là chính thức thiết lập nghi ngờ chất vấn, nói Trí đã là đứng đầu, thì lẽ ra chỉ ca ngợi về Trí, vì sao cũng ca ngợi những điều khác? Đây là chất vấn về Chánh-Trợ trái ngược nhau. 3- Từ “Nhi chung...” trở xuống là kết luận thành tựu về chất vấn trước đây, trước đây chất vấn rằng: Trí là đứng đầu đã thuận theo không nên ca ngợi những điều khác, huống hồ không phải là dùng một pháp để thành Phật, hẳn nhiên là không nên ca ngợi thiên lệch, bởi vì cần phải dựa vào nhiều, bởi vì chỉ dùng đến Trí, hay là bởi vì tùy theo một hạnh đều được thành Phật? Nếu tùy theo một hạnh mà được thành Phật, thì cũng trái với Trí là đứng đầu, tiến lùi đều gây trở ngại.

Thứ hai, ý trong phần giải đáp phù hợp với trước-sau, giải thích về phần giữa, nói Trí là đứng đầu đích xác như đã nói, Trí như vị vua sáng suốt, làm vị cai quản của dân chúng, cho nên kinh Đại Phẩm nói: “Bát-nhã như mắt, năm Độ như mù.” Phù hợp với nghĩa sau nói: Cuối cùng không chỉ là dùng một pháp, thật sự Như Lai ca ngợi ba đời chư Phật đều thuyết giảng đầy đủ, bởi vì dùng vạn hạnh khác để giúp đỡ cho Trí.” Giải thích phần giữa, riêng biệt ca ngợi chính là có nhiều ý, nghĩa là bởi vì tùy theo tâm niệm mà làm cho vui mừng, bởi vì tùy theo thời gian mà phát sinh điều thiện, bởi vì đã chữa trị lỗi lầm khác nhau, bởi vì tìm được lối vào không giống nhau, bởi vì chúng sinh không thể nào tiếp nhận tất cả. Văn sau sẽ đưa ra. Lại trong Trí Luận nói: “Bát-nhã chắc chắn đầy đủ tất cả các hành, vì thế cho nên ca ngợi một hành tức là ca ngợi các hành, ca ngợi các hành tức là ca ngợi Trí.”

Mười kệ giải đáp, phân hai: Một kệ đầu khen ngợi thừa hỏi nhận lời thuyết giảng; chín kệ còn lại chính thức giải đáp những chất vấn, tóm lược phân làm hai: Trước là hai kệ tách ra hai Chương môn; sau là bảy kệ cùng giải thích về hai Chương.

Nay trước là hai kệ tách ra hai Chương môn: Kệ đầu nêu ra Chương nói về nhiều hành thành tựu quả, nghĩa là Chánh-Trợ dựa vào nhau thì tất nhiên vạn hạnh cùng nhau tu, cho nên chư Phật cùng thuyết giảng. Nói không có thuyết giảng một pháp là chắc chắn thuyết giảng đầy đủ.

Kệ sau nêu ra Chương nói về tùy theo căn cơ riêng biệt khen ngợi, vẫn có đủ bốn Tùy của kinh Tọa Thiền Tam Muội (Thiền kinh): Câu đầu tức là tùy theo ưa thích (Tùy lạc). Muốn bảo vệ ý kia phù hợp với tâm của họ vui thích, bởi vì tánh không giống nhau, tức là tùy theo thích hợp (Tùy nghi). Dựa theo sự luyện tập của đời trước khiến cho dễ dàng thọ trì thực hành, luyện tập mãi đã trở thành tánh cho nên phân biệt không giống nhau, tức là tùy theo đối trị (Tùy trị). Quán sát căn bệnh nặng-nhẹ, đưa ra vị thuốc nhiều-ít, nghĩa là phần Tham nhiều thì dạy cho quán Bất tịnh..., tùy theo thích hợp mà hóa độ tức là tùy theo nghĩa lý (Tùy nghĩa). Đạo pháp và căn cơ đến lúc chín muồi thì nghe liền tỏ ngộ.

Sau là bảy kệ cùng giải thích về hai Chương, có hai: Ba kệ đầu giải thích Chương nói về tùy theo căn cơ riêng biệt khen ngợi; bốn kệ sau giải thích Chương nói về nhiều hành thành tựu quả.

Trong ba kệ đầu, có hai: Trước là hai kệ rưỡi riêng biệt giải thích về tùy theo đối trị; sau là hai câu kết thúc phần trước sinh khởi phần sau.

Trong hai kệ rưỡi: Nhưng sáu Độ thành tựu về hành, bốn Đẳng rộng mở về tâm; bốn Đẳng phần nhiều dựa theo Lợi tha, sáu Độ phần nhiều trình bày về Tự lợi; sáu Độ như Hội thứ nhất đã nói, bốn Đẳng như văn sau sẽ nói. Nhưng đều bao gồm bốn Tùy, tóm lược nêu ra một Tùy về đối trị mà thôi. Kinh Niết Bàn nói: “Trước mặt người bủn xỉn không được ca ngợi về bố thí.” Tức là ý tùy theo ưa thích.

Sau là hai câu kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, câu trước là kết luận về phần trước, câu sau là sinh khởi phần sau.

Trong bốn kệ sau giải thích Chương nói về nhiều hành thành tựu quả, đều nửa kệ trước là Dụ, nửa kệ sau là Hợp. Nhưng có hai nghĩa: Một: Dựa vào nghĩa dần dần đầy đủ trước đây thì có thể giải thích thành tựu về Trí là đứng đầu; hai: Chính thức trình bày về đã sử dụng không giống nhau, vì vậy cần phải bao gồm đầy đủ. Nhưng mà Nhiếp Luận quyển thứ 9 trình bày về thiết lập sáu Độ, tất cả có ba ý: Một: Bởi vì loại trừ phiền não; hai: Bởi vì sinh khởi giáo pháp của Phật; ba: Bởi vì thành thực chúng sinh. Đoạn trước có đủ ý một, đoạn này đầy đủ tất cả ba ý, nghĩa là hai ý của hai đoạn hợp lại, bởi vì đối trị riêng biệt, trước là nền móng-sau là căn nhà... tức là dần dần đầy đủ, đều vì Lợi tha tức là thành thực.

Trong văn: Kệ một nói về hai Độ (Bố thí-Trì giới), bởi vì đối trị về nhân của không phát khởi thực hành, cho nên hợp lại nói là căn bản của

hành (Hành bốn), nghĩa là đấm theo tài sản mà không phát khởi Bồ thí, đấm theo gia đình mà không phát khởi Trì giới. Cơ Đổ (nền móng-bức tường) có hai nghĩa: 1- Cơ (nền móng) tức là Đổ (bức tường), tức là Bồ thí làm đầu tiên để tiến đến điều thiện, Trì giới làm đầu tiên để phòng ngừa điều ác, đều gọi là nền móng. 2- Đổ là bức tường vòng quanh, tức là Bồ thí làm nền móng đầu tiên của vạn hạnh, Trì giới là phòng ngừa điều ác chưa phát khởi chứ không phải là bức tường. Cung điện là giải thoát.

Kệ hai nói về hai Độ (Nhẫn nhục-Tinh tiến), đã phát tâm tu hành, bởi vì đối trị về nhân của tâm yếu đuối lui sụt, nghĩa là không thể nào chịu đựng sự khổ đau của sinh tử, trải qua thời gian dài tu tập giúp cho phẩm thiện mà nảy sinh mệt mỏi uể oải. Nay ở trong khu thành của Nhẫn nhục để phòng ngừa kẻ địch phiền não bên ngoài, ở trên tường thành của Tinh tiến để lớn thêm dân chúng công hạnh bên trong. Nói chung thì hai Độ này đều có thể phòng ngừa bên ngoài, nuôi lớn bên trong.

Kệ ba nói về hai Độ (Thiên định-Trí tuệ), bởi vì đối trị về nhân của tâm hủy hoại mất đi, nghĩa là tán loạn làm Tĩnh lự bị hủy hoại, tà trí làm Chánh giải bị hủy hoại. Nay trình bày về Bồ-tát, dùng Định làm vắng lặng phiền não tán loạn, dùng Tuệ để soi rõ vạn pháp, vốn là Động-Tịch tự tại. Bồ-tát dựa vào đây để phát Thần thông-Trí tuệ, nhờ vào đây để chứng quả của Lý. Vị Vương ấy nhờ có năng lực, làm ổn định bốn biển, soi rõ ràng vạn cơ, cho nên khắp đất nước mang ân, thiên hạ nương nhờ phép tắc.

Kệ bốn nói về bốn Đẳng làm nhân, cho nên mình và người an vui cảm đến quả vô tận.

Đoạn 9: Nhất đạo thậm thâm, cũng gọi là Nhất Thừa.

Thứ nhất, trong phần hỏi: Một: Nêu ra hỏi Hiền Thủ, là bởi vì đạo vô cùng nhu thuận, còn Hiền giống như thẳng thắn khéo léo, Phật và Phật đều cùng một đạo thẳng thắn. Hai: Trong phần hiển bày về sự việc thừa hỏi, có ba: 1- Nêu ra Tông dựa vào để xác định, nghĩa là Phật và Phật đã dựa vào cùng quán sát về tâm tánh, vạn hạnh tu đầy đủ từ đầu đến cuối, lại không có đường nào khác, cho nên nói là Nhất Đạo, lý này cùng thừa nhận. 2- Từ “Vân hà...” trở xuống là chính thức thiết lập nghi ngờ chất vấn: Trước-Tổng quát; sau-Riêng biệt. Trong phần tổng quát, nghĩa là nhân của đạo đã một, thì quả lẽ ra không sai khác, vì sao hiện thấy những quốc độ Phật đều khác nhau? Vì quả khác nhau cho nên nhân không phải một, hay là vì nhân một cho nên không có quả khác

nhau? Nếu cùng tồn tại thì nhân và quả trái ngược nhau. Trong phần riêng biệt phân rõ về mười sự việc: Một: Thế giới có nhiễm-tịnh đều khác nhau. Hai: Người cư trú có thiện-ác đều khác nhau. Ba: Các Thừa đều sai khác, mở rộng-tóm lược đều khác nhau. Bốn: Hoặc dùng ba Học để điều phục, hoặc dùng cứng rắn-mềm mỏng để chiết phục. Năm: Thọ mạng có dài-ngắn. Sáu: Ánh sáng hay là sắc tướng không giống nhau, hoặc thường phát ra đủ-thiếu, hoặc soi chiếu có xa-gần. Bảy: Tùy theo quốc độ nhiễm-tịnh mà người cư trú khác nhau, cho nên hiện bày thần thông cũng khác nhau. Tám: Chúng hội khác nhau, ở đây có ba loại, một là nhiều-ít, hai là số lượng pháp hội, ba là Phạm-Thánh-Đại-Tiểu. Chín: Nghi thức giáo hóa, như quốc độ này dùng âm thanh để giáo hóa, thế giới Hương Tích dùng các loại hương để giáo hóa... Mười: Pháp trú, bởi có lâu dài-ngắn ngủi. Đều có sai biệt, là bao gồm mười sự việc nói trên. Nhưng nếu dựa theo một vị Phật, thì mười sự việc đều không giống nhau, Đức Thủ đã trình bày, nay thưa hỏi về mười sự của chư Phật thì hướng về với nhau không giống nhau mà thôi. 3-Từ “Vô hữu...” trở xuống là kết luận thành tựu về chất vấn trước đây, nghĩa là nếu chư Phật đối với nhân, pháp thực hành có đầy đủ-không đầy đủ, thì có thể có quốc độ đều không giống nhau, nay đều đầy đủ giống nhau, những quốc độ sao sai khác, đầy đủ giống nhau tức là một đạo.

Thứ hai, trong phần giải đáp, ý nói rằng: Không phải chỉ riêng nhân giống nhau mà đức của quả cũng giống nhau, nhưng thấy khác nhau là tùy theo cơ cảm mà thôi, không phải tự phần vị của Phật mà có sai biệt. Vì sao? Bởi vì nhân quả của chư Phật đầy đủ giống nhau và khác nhau, nghĩa là biến hạnh cùng đầy đủ là nhân giống nhau; đem nhân giống nhau này hồi hướng các loại tùy theo mà điều phục, ứng với quả của căn cơ là nhân khác nhau. Nhờ vào nhân khác nhau này mà cảm đến quả sai biệt.

Nhờ vào nhân giống nhau trên đây, cùng cảm đến quả như Thân-Độ Chân-Ứng..., là bởi vì dựa theo Phật thì giống nhau có thể tùy theo khác nhau, dựa theo căn cơ thì nơi chốn giống nhau mà thấy khác nhau. Bởi vì chúng sinh ngay nơi Phật tuy khác nhau mà thường giống nhau, bởi vì Phật ngay nơi chúng sinh tuy giống nhau mà thấy khác nhau. Bởi vì Phật hướng về Phật, có thể khác nhau mà chắc chắn giống nhau, điều ấy giống như tổ chim thêu trên gấm luôn luôn giống nhau-luôn luôn khác nhau. Luận Du Già quyển thứ 38 nói: “Chư Phật bình đẳng, chỉ trừ ra bốn pháp: 1- Thọ lượng; 2- Danh hiệu; 3- Tộc tánh; 4- Thân tướng.” Ý trình bày là bởi vì tùy thuận căn cơ cho nên trừ ra bốn sự việc này,

còn lại đều giống nhau.

Ngay trong phần quả giống nhau, Thân-Độ thuộc tự tánh luôn luôn là Thể giống nhau. Tự thọ dụng là bình đẳng không hai, tương tự gọi là giống nhau; hai Thân-Độ còn lại cũng tương tự gọi là giống nhau, mà tùy theo căn cơ cho nên thấy khác nhau. Luận Thành Duy Thức nói: “Thân-Độ thuộc tự tánh, tất cả Như Lai đã chứng giống nhau, cho nên Thể không có sai biệt. Thân tự thọ dụng và quốc độ đã nương tựa, tuy tất cả chư Phật đều biến hóa không giống nhau, mà đều vô biên không chướng ngại lẫn nhau; hai Thân-Độ còn lại, tùy theo hữu tình do các Đức Như Lai đã hóa độ, có giống nhau-không giống nhau (Cộng-bất cộng). Đã hóa độ giống nhau, là nơi chốn giống nhau-thời gian giống nhau, chư Phật đều biến hiện làm Thân-làm Độ, hình trạng tương tự không chướng ngại lẫn nhau, lần lượt chuyển tiếp đan xen với nhau làm Tăng thượng duyên, khiến cho chúng sinh đã hóa độ từ Thức mình mà biến hiện, nghĩa là ở một quốc độ có một thân Phật, vì chúng sinh mà hiện bày thần thông thuyết pháp làm lợi ích. Đối với đã hóa độ không giống nhau, chỉ có một vị Phật biến hiện, cho nên các loại hữu tình thuộc về Phật khác nhau.

Trong mười kệ hàm chứa nhiều nghĩa lý, xu thế của văn không phải là một, tạm thời phân làm hai: Hai kệ đầu là phù hợp với điều ấy mà thiết lập Tông chỉ, trình bày về Chân thân không hai; tám kệ sau là giải đáp về nghi ngờ chất vấn ấy, phân rõ về Ứng thân có khác nhau và giống nhau.

Hai kệ đầu: Trong kệ một: Câu đầu là tổng quát về phù hợp, trước là nêu ra Văn Thù, nhắc nhở để lắng nghe tiếp nhận; pháp bình thường như vậy, là trình bày về nhân quả không có khác nhau, pháp vốn như vậy thường là quy phạm. Phần còn lại là hiển bày về tướng như nhau (Nhất tướng), sơ lược trình bày về bốn như nhau (Nhất): Câu đầu nói về Pháp như nhau, bởi vì Pháp Thường cho nên chư Phật cũng Thường; câu tiếp nói về Người như nhau; câu tiếp nói về Nhân như nhau.

Kệ hai là nói về Quả như nhau, sơ lược nêu ra năm như nhau (Nhất): 1- Thân như nhau, điều này có hai nghĩa, đó là nếu dựa theo thụ động Chứng, pháp giới làm thân, thì Thể giống nhau là như nhau; nếu bao gồm chủ động Chứng, Trí vô quái ngại làm thân, thì tương tự gọi là như nhau. Sau đã riêng biệt trình bày về Tâm-Trí, thì chính là ý đầu, nhưng Thể giống nhau mà nghĩa khác nhau. 2- Tâm như nhau, bởi vì tám Thức-Tâm vương đều không thể nào nhận biết. 3- Trí huệ như nhau, bởi vì bốn Trí-ba Trí-hai Trí-một Trí, đều không có gì sai khác.

4- Mười Lực như nhau. 5- Vô úy như nhau. Năm loại này cũng sơ lược thâm nhiếp các đức.

Trong tám kệ còn lại là giải đáp về nghi ngờ chất vấn, phân hai: Đầu là hai kệ tổng quát trình bày về tùy theo căn cơ mà thấy khác nhau. Trong đó: Kệ trước là dựa theo Phật, kệ sau là dựa theo căn cơ. Trong kệ trước là tùy theo nhân khác nhau vốn có, hồi hướng cho chúng sinh đều cảm được sai biệt, cho nên nói là như vậy, như vậy tức là nghĩa của sai biệt. Khác nhau là nêu ra ba sự việc trong mười sự việc mà thôi, tức là tùy theo chúng sinh đã hóa độ mà chọn lấy quốc độ Phật. Kệ sau là dựa theo căn cơ, dựa theo Phật thì quốc độ... đều trọn vẹn, dựa theo căn cơ thì tùy hạnh mà thấy sai khác, như tâm thẳng thắn là hạnh thì thấy được quốc độ không nịnh hót, bởi vì chủng loại của chúng sinh là Bồ-tát ở quốc độ Phật.

Sáu kệ sau là lần lượt chuyển tiếp giải thích về nghi ngờ, phân bốn:

Một: Một kệ, có người nghi ngờ rằng: Nếu đều là viên mãn thì vì sao không thấy? Ý giải đáp rằng: Chúng sinh không thấy lẽ nào có thể nói là không có? Nhưng có ba nghĩa: 1- Dựa theo Tha thọ dụng, thì chúng sinh ở phần vị phàm phu-Tiểu thừa và Địa tiền không thấy; 2- Dựa theo Tự thọ dụng, thì chúng sinh ở phần vị Đẳng giác cũng đều không thấy; 3- Nếu dựa theo ngay nơi Ứng giống như Chân thì Bồ-tát thuộc Quyền giáo không thấy.

Hai: Một kệ, có người nghi ngờ rằng: Nếu đều không thấy thì vì sao nhận biết? Có người giải thích rằng: Có thấy thì vốn cũng có ba nghĩa: 1- Từ phần vị Tịnh Ý Lạc trở đi, bởi vì lực tự tại của Nguyên, cho nên thấy được Tha thọ dụng; 2- Thanh tịnh không có tập khí trần lao, đầy đủ nguyện Phổ Hiền mới thấy được Tự thọ dụng; 3- Người hiểu biết trọn vẹn thì gọi là tâm thanh tịnh, ngay nơi Ứng thân thấy được Chân thân. Ý ở trước-sau mà nghĩa bao gồm phần giữa.

Ba: Một kệ, có người nghi ngờ rằng: Nếu Ứng thân do chúng sinh nhìn thấy thì sao gọi là quốc độ Phật? Giải thích rằng: Do uy thần của Phật, thì biết chúng sinh-Phật cùng nhau thành tựu, đã thu nhận giống nhau thì thành tựu khác nhau cũng phù hợp với Thể mà thành tựu lợi ích.

Bốn: Có ba kệ giải thích, nghi ngờ rằng: Trên đây nói chúng sinh không thấy quốc độ thanh tịnh, lại nói do thần lực của Phật khiến cho khác nhau, vì Thể của quốc độ là khác nơi chốn mà Phật có phân biệt chăng? Vì vậy giải thích rằng: Quốc độ thật sự cùng nơi chốn mà Phật

cũng không có tâm, chúng sinh tự thấy khác nhau mà thôi. Trong đó: Nửa kệ đầu là hiển bày về Thật, nói quốc độ không có phân biệt, Phật không có yêu ghét, phân biệt tức là nghĩa về sai biệt. Vì vậy bản kinh đời Tấn nói: “Quốc độ Phật không có tướng khác nhau, Như Lai không có yêu ghét.” Nếu thuận theo bản kinh hiện tại (bản dịch đời Đường), thì cũng có thể hai pháp này bao gồm Phật và quốc độ. Nửa kệ tiếp trình bày về khác nhau đương nhiên là do chúng sinh. Nửa kệ tiếp trình bày về đích thực thấy quốc độ khác nhau. Nửa kệ tiếp làm sáng tỏ không phải là lỗi của Phật. Ba câu tiếp giải thích về Phật không có yêu ghét, có cảm thì hiện chứ không phải là Phật có yêu thương, không có cảm thì không thấy chứ không phải là Phật có ghét bỏ. Một câu cuối cùng là tổng quát kết luận, pháp của tất cả chư Phật đều như vậy, tùy theo căn cơ mà ẩn-hiện, Thể chân thật luôn luôn tồn tại, cũng bao gồm kết luận về một đoạn.

Đoạn 10: Phật cảnh thậm thâm. Thập Tín quán sát trọn vẹn thì thành tựu cảnh giới của Phật, trong đó cũng trước là hỏi-sau là giải đáp.

Thứ nhất, trong phần hỏi, phân hai: Một-Nêu ra người chủ động-thụ động thưa hỏi: Đại chúng cùng nhau thưa hỏi, là thâm nhiếp riêng biệt đưa về tổng quát, bởi vì tổng quát-riêng biệt vô ngại vốn là sáu tướng viên dung. Hỏi Văn Thù, bởi vì cảnh giới của Phật rất sâu xa, trừ Diệu Đức của Bát-nhã ra thì không có gì có thể thông hiểu. Bắt đầu là Tín, cuối cùng là Trí, đều dựa vào cảnh giới của Phật, cho nên không có pháp dựa vào để xác định kết luận về chất vấn, là biểu thị sự tôn kính, bởi vì nếu là người hay là pháp thì chất vấn sẽ dẫn đến hỏi vặn. Hai-Từ “Phật tử ngã đẳng...” trở xuống là chính thức bày tỏ sự việc thưa hỏi, cũng phân làm hai: 1- Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, thêm vào ca ngợi về biện tài tuyệt diệu, là bởi vì tôn kính bậc Thượng thủ. 2- Từ “Hà đẳng...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về sự việc thưa hỏi, có mười một câu, câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Câu 1: Hỏi về cảnh giới, có hai: a-Phạm vi giới hạn của cảnh giới, nghĩa là từ nhân của Thập Địa cho đến sau pháp của quả vị, là Phật vốn có; b-Cảnh giới đã duyên, nghĩa là cảnh mà Phật đã nhận biết, đều không phải là người nào khác mà suy lường được, tổng quát làm cảnh giới của Phật. Câu 2: Thưa hỏi về cảnh giới của Phật lấy gì làm nhân? Câu 3: Thỉnh cầu nghi thức độ sinh ở cảnh giới Phật. Câu 4: Ứng với căn cơ hòa vào tất cả thế gian. Câu 5: Trí chủ động nhận biết. Câu 6: Pháp thụ động nhận biết. Câu 7: Viên âm bắt đầu thuyết giảng. Câu 8:

Nhận biết rõ ràng về Thể-Tướng. Câu 9: Nội chứng bình đẳng. Câu 10: Hiện hiện pháp gì. Câu 11: Hạn lượng lớn nhỏ. Tất cả không phải là tác dụng ở phần vị của nhân mà đạt tới được, cũng không phải là phần vị dưới có thể biết được, cho nên nói là cảnh giới Phật. Nếu dựa theo chủ động nhận biết-chủ động hóa độ..., thì đều là phạm vi giới hạn; dựa theo thụ động nhận biết... thì gọi là Sở duyên. Chủ động-thụ động cùng dung thông, khác nhau tức là không phải khác nhau, đoạn dứt lộ trình của lời nói-suy nghĩ, là cảnh giới của Phật.

Thứ hai, trong phần giải đáp, mười kệ theo thứ tự mà giải đáp, chỉ mở rộng một kệ, nghĩa chỉ nằm ở kệ đầu, cùng với tổng quát kết hợp để phân rõ, muốn hiển bày về phần lượng tổng quát khắp nơi, tức là sâu mà rộng.

Kệ một: Câu đầu là tổng quát nêu ra Thể sâu xa. Câu tiếp là phần lượng rộng lớn, luận Phật Địa dẫn kinh giải thích rằng: “Cảnh giới của chư Phật chỉ trừ ra hư không, không có gì có thể làm ví dụ.” Câu tiếp là giải thích về rộng lớn nói trên. Câu sau là giải thích về sâu xa nói trên, nhưng có ba nghĩa: 1- Dựa theo tất cả chúng sinh, tức là Như Lai Tạng, lại tiến vào nơi nào, vượt qua mê muội mà tỏ ngộ, cho nên nói là Chứng nhập. 2- Dựa theo lý không phải là ngay nơi ấy-không phải là khác nhau, cho nên nói là tiến vào mà không có gì tiến vào. 3- Dựa theo tâm-cảnh, tâm tiến sâu vào Chân cảnh cho nên nói là Nhập, nếu có cảnh đã tiến vào thì Trí chưa mất, lẽ nào có thể gọi là Nhập? Thật sự không có gì tiến vào mới gọi là Chân Nhập, sâu xa ngay nơi rộng lớn là nguồn gốc đầy khởi ngôn niệm, rộng lớn ngay nơi sâu xa thì lẽ nào suy lường được bến bờ ấy?

Kệ hai: Giải đáp câu hỏi về Nhân, nghĩa là nhân này không có giới hạn, tóm lược nêu ra ba nghĩa: 1- Thù thắng, bởi vì hành siêu tuyệt không có gì sánh bằng; 2- Vi diệu, bởi vì chứng lý sâu xa huyền diệu tận cùng nguồn cội của pháp; 3- Quảng đại, bởi vì nhiều kiếp thuyết giảng phần ít cũng không hết được.

Kệ ba: Giải đáp câu hỏi về Hóa độ, nghĩa là tùy theo căn khí-ý thích không giống nhau của Tâm ấy, tùy theo năng lực hiểu biết tỏ ngộ sai biệt của Trí ấy, dạy dỗ dẫn dắt tiến tới tu tập khiến cho đều được lợi ích, bởi vì tường tận khắp nơi pháp giới không có gì lầm lẫn, sai biệt khó nhận biết, cho nên nói là cảnh giới của Phật.

Kệ bốn: Giải đáp câu hỏi về Tiến vào, nghĩa là Thế gian tức là Chúng sinh thế gian, Quốc độ tức là Khí thế gian, tất cả là bởi vì khắp nơi pháp giới. Nhập có hai nghĩa: 1- Dùng Trí thân kín đáo tiến vào mà

bí mật làm lợi ích cho chúng sinh; 2- Dùng Sắc thân hiện rõ tiến vào để hiển bày làm lợi ích cho chúng sinh. Trí thân khó nhận biết, cho nên trong văn chỉ hiển bày về Trí thân.

Kệ năm: Giải đáp câu hỏi về Trí, nửa kệ trước nói về Quyền trí, tất cả không gian đều nhận biết cho nên nói là tự tại, thời gian thì thông hiểu ba đời cho nên không có gì chướng ngại; nửa kệ sau nói về Thật trí, cho nên nói là cảnh giới của Tuệ bình đẳng giống như hư không, không hề có hạn lượng. Nói hư không, cũng bao gồm Dụ cho tâm vô quái ngại trước đây. Quyền-Thật vô ngại, mới là cảnh giới của Phật.

Kệ sáu: Giải đáp câu hỏi về Pháp, Pháp giới là Lý, Chúng sinh giới là Sự, thu nhận Lý thành tự Sự, Lý thấu suốt mà Sự biểu hiện, cho nên nói là không có gì sai khác. Vì thế cho nên, Sự thì không cần phải hoại mà luôn luôn Chân, Lý thì không cần phải ẩn mà luôn luôn Tục, không những rộng lớn không có giới hạn, mà cũng chính là rất sâu xa không có bến bờ, nhận biết rõ ràng đến tận cùng, cho nên gọi là cảnh giới của Phật. Vả lại, Pháp giới là thụ động Chứng, Chúng sinh giới là thụ động hóa độ, nhận biết rõ ràng là chủ động Chứng-chủ động hóa độ, suy xét tìm theo nguồn gốc cũng không có gì sai biệt, là cảnh giới của Phật khó nhận biết.

Kệ bảy: Giải đáp câu hỏi về Thuyết giảng, tất cả ngôn từ-âm thanh tùy theo tánh-tùy theo tướng, đều nhận biết rõ ràng tất cả mà chưa từng dấy khởi tâm niệm, cho nên không có phân biệt. Bởi vì tất cả ngôn từ-âm thanh sai biệt, tức là âm thanh chuyển pháp luân của Như Lai thâm nhiếp. Bởi vì kệ này giải đáp về thuyết giảng, cho nên Thật tướng của âm thanh tức là Pháp luân.

Kệ tám: Giải đáp về nhận biết ngay nơi Thể của tâm, phân biệt rõ ràng tức là không phải nhận biết chân thật, bởi vì không phải do Thức mà nhận biết; thoáng khởi lên cũng không phải nhận biết chân thật, bởi vì không phải cảnh giới của tâm. Thể của tâm lìa xa niệm, tức là không phải có niệm để có thể không có, cho nên nói là tánh vốn có thanh tịnh. Chúng sinh đều có nhưng bị che lấp mà không nhận biết, cho nên Phật chỉ bày rõ ràng đều khiến cho tỏ ngộ tiến vào. Dụng ngay nơi Thể, cho nên dùng nhận biết để thưa hỏi; Thể ngay nơi Dụng, cho nên dùng tánh thanh tịnh để giải đáp. Một chữ Nhận Biết (Tri) là cửa vào của các pháp vi diệu, nếu có thể rỗng rang tâm địa của mình mà thông hiểu thì phù hợp với cảnh giới của Phật.

Kệ chín: Giải đáp câu hỏi về Chứng, tức là chứng đầy đủ ba đức của Đại Niết-bàn, văn có ba: 1- Nêu ra cho biết; 2- Giải thích về tướng;

3- Kết luận chỉ rõ. Không phải nghiệp ràng buộc, cho nên giải thoát. Không phải phiền não, là chuyển đổi phiền não, ngay nơi Bồ-đề là Bát-nhã. Không có chúng sinh, là tướng hư giả không còn, cho nên Pháp thân hiện bày. Không có trú xứ, là thành tựu Pháp thân nói trên, bởi vì không tồn tại nơi nào. Không có soi chiếu, là thành tựu Bát-nhã nói trên, bởi vì có thể chứng được tướng vắng lặng. Không có gì thực hành, là thành tựu giải thoát nói trên, bởi vì không có Dụng của nghiệp hành. Bởi vì không có Dụng, cho nên Dụng khắp nơi pháp giới. Bởi vì không có soi chiếu, cho nên không có gì không nhận biết. Bởi vì không có tồn tại, cho nên không có nơi nào không tồn tại. Vì vậy, câu kết luận nói rằng: Bình đẳng đi vào các thế gian, là nói đến ba đức Bí Tạng thuộc cảnh giới của Phật.

Kệ mười: Giải đáp câu hỏi về Hiện bày, nửa kệ trước là nói về thụ động hiện bày, câu đầu là nói về không gian tận cùng mười phương, câu tiếp là nói về thời gian cùng tận ba đời; nửa kệ sau là nói về chủ động hiện bày, tất cả ở trong Đại viên cảnh trí của Như Lai, Vô niệm mà lập tức hiện bày, vì vậy phẩm Xuất Hiện nói: Bồ-đề hiện rõ khắp nơi các tâm hành. Tức là nghĩa này.

Trên đây phân rõ về mười loại Thâm Thâm, tức là phần trước về hỏi-đáp xong. Từ đây trở xuống là phần sau Hiện bày sự việc để kết luận nối thông.

Phần sau là nêu ra tướng kết luận nối thông, trong đó có hai: Trước là hiện bày sự việc; sau là kết luận nối thông.

Nay là phần trước: Vì sao mà hiện bày mười vị Bồ-tát cùng tên gọi là Thủ trên đây, dùng ánh sáng của giáo pháp chỉ bày rõ ràng về thân-tâm chúng sinh, nương theo Phật lực tạm thời ngay lúc đó thị hiện thân tướng mà giải đáp, khiến cho chúng sinh tận mắt nghiệm xét mà vui mừng-chán ngán. Đã hiện bày có mười: 1- Pháp, tức là pháp đã thực hành, đó là ba Học đều khác nhau; 2- Nghiệp, đó là Chánh hạnh hữu lậu-vô lậu...; 3- Nhân của Tập và quả của Khổ; 4- Thân hình chủng loại không giống nhau; 5- Căn cơ sai biệt; 6- Bốn sinh loại khác nhau; 7- Trì giới thì trời-người hơn-kém khác nhau; 8- Phạm giới thì ba đường khổ nặng-nhẹ khác nhau; 9- Quốc độ thì nơi chốn nương tựa khác nhau; 10- Thuyết pháp thì tiếp cận quả báo cõi trời Tịnh Cư, thông minh lợi trí nhanh chóng đầy đủ pháp của Phật. Văn kinh này thiếu sót, bản kinh đời Tấn có đủ.

Vả lại, ở đây cũng có thể phối hợp với mười loại Thâm Thâm, bởi vì đều là thị hiện thân tướng mà giải đáp: 1- Pháp Thủ là nói về Chánh

giáo thậm thâm; 2- Bảo Thủ là nói về Nghiệp quả; 3- Cần Thủ là nói về lười nhác uể oải khó thoát ra; 4- Tài Thủ là nói về các pháp quán sát nội thân...; 5- Đức Thủ là nói về pháp của Phật cùng một ý vị tùy theo căn cơ mà thuyết giảng khác nhau...; 6- Giác Thủ là nói về hướng đến nẻo thiện-ác; 7- Trí Thủ là nói về sáu Độ thuận theo thực hành, Thần thông là quả của trì giới; 8- Mục Thủ là nói về ruộng phước của Phật bình đẳng, nhưng phạm giới-bố thí mà đạt được quả sai biệt; 9- Hiền Thủ là nói về tùy theo tâm niệm mà thế giới có sai biệt...; 10-Bản kinh đời Tấn đã có Thuyết pháp thậm thâm, tức là thuyết giảng về pháp thuộc cảnh giới của Phật.

Phần sau từ “Như thị...” trở xuống là kết luận nối thông rộng ra khắp nơi, trong đó có hai: Một: Kết luận về phương Đông; Hai: Từ “Nam-Tây...” trở xuống là tương tự chín phương còn lại, cũng hiện bày mười sự việc, bởi vì ở nơi này thuyết pháp thì hiện bày sự việc nối thông với mười phương, ở nơi khác thuyết pháp cũng thuận theo tương tự ở nơi này, toàn bộ làm thành một Đại hội thuộc pháp giới. Suy nghĩ điều này! Phẩm Vấn Minh phân rõ về Giải trong Tín, xong.
